

QUYẾT ĐỊNH
Về Danh mục bí mật nhà nước
độ Tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Công an,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường gồm những tin, tài liệu sau:

1. Về tài nguyên nước gồm:

a) Chủ chương của Đảng và Nhà nước trong việc đàm phán thành lập, duy trì, phát triển các tổ chức lưu vực sông quốc tế có liên quan đến Việt Nam; đàm phán bảo vệ quyền lợi quốc gia trong hoạt động khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước sông quốc tế;

b) Tài liệu phục vụ cho việc hoạch định, cắm mốc biên giới trên sông, suối không công bố hoặc chưa công bố;

c) Tài liệu về điều tra cơ bản trên sông, suối, nguồn nước biên giới;

d) Dạng mã điện, tần số, thời gian liên lạc để trao đổi số liệu tài nguyên nước trên hệ thống thông tin chuyên dùng khi có chiến sự;

đ) Vị trí và trị số độ cao các mốc chính của các trạm tài nguyên nước; số liệu độ cao và số không tuyệt đối của các mốc đo tài nguyên nước;

e) Tài liệu địa hình (trắc đồ ngang, trắc đồ dọc, bình đồ đoạn sông) và tốc độ dòng chảy thực đo tại các trạm tài nguyên nước vùng cửa sông trong phạm vi 30 km tính từ biển vào đối với các sông thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; 50 km tính từ biển vào đối với các sông thuộc hệ thống sông Đồng Nai, sông Cửu Long; 15 km tính từ biển vào đối với các sông trên hệ thống sông khác.

2. Về môi trường gồm:

Tin, tài liệu về chủ trương của Đảng và Nhà nước liên quan đến hoạt động khắc phục hậu quả chất độc hóa học sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam không công bố hoặc chưa công bố.

3. Về khí tượng thủy văn gồm:

a) Chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn phục vụ nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ đất nước;

b) Dạng mã điện, tần số, thời gian liên lạc để trao đổi số liệu khí tượng thủy văn trên hệ thống tin chuyên dùng của ngành khi có chiến sự;

c) Vị trí và trị số độ cao các mốc chính của các trạm khí tượng, thủy văn, hải văn; số liệu độ cao và số không tuyệt đối của các mốc hải văn;

d) Tài liệu địa hình (trắc đồ ngang, trắc đồ dọc, bình đồ đoạn sông) và tốc độ dòng chảy thực đo tại các trạm thủy văn vùng cửa sông trong phạm vi 30 km tính từ biển vào đối với các sông thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; 50 km tính từ biển vào đối với các sông thuộc hệ thống sông Đồng Nai, sông Cửu Long; 15 km tính từ biển vào đối với các sông trên hệ thống sông khác.

4. Về đo đạc và bản đồ gồm:

a) Tọa độ các điểm cơ sở quốc gia hạng II trở lên tạo thành mạng lưới quốc gia hoàn chỉnh kèm theo các ghi chú điểm;

b) Tài liệu điều tra, khảo sát về đường biên giới quốc gia chưa được công bố.

5. Về đất đai gồm:

Nghị quyết, quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bản đồ và các số liệu, tài liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với công trình quan trọng liên quan đến quốc phòng, an ninh khu vực biên giới, vùng biển, hải đảo, năng lượng quốc gia không công bố hoặc chưa công bố.

6. Về biển và hải đảo gồm:

a) Số liệu, bản đồ, sơ đồ về trường sóng âm các vùng biển Việt Nam;

b) Tài liệu về địa hình, địa chất, tài nguyên và môi trường các đảo, quần đảo, bãi cạn lúc chìm lúc nổi phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh không công bố hoặc chưa công bố;

c) Các tài liệu, số liệu và bản đồ chuyên ngành về điều tra địa chất khoáng sản biển sâu không công bố hoặc chưa công bố.

7. Tài liệu có sử dụng tin, tài liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong và ngoài Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Quyết định này thay thế Quyết định số 212/2003/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

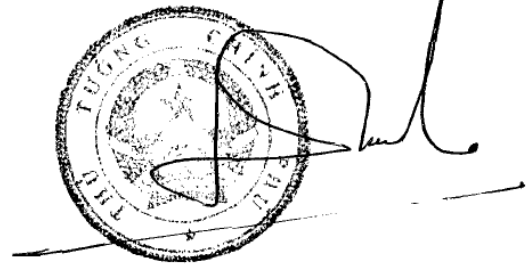
1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (3b). MH

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng